TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-PT
Ngày 05 tháng 01 năm 2018

"V/v Tranh chấp kiện đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái

Ông Nguyễn Duy Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLPT- DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp kiện đòi lại tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 96a/2017/QĐ - PT ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị K, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư Văn phòng Luật sư X - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. **Bị đơn**: Ông Lê Văn B, sinh năm 1943 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

* Người đại diện theo ủy quyền ông B: Bà Đào Thị L, sinh năm 1951(có mặt)

Nơi cư trú: Thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Đào Thị L, sinh năm 1951 (có mặt).
- Ông Lê Văn N, sinh năm 1946 (vắng mặt).
- Anh Lê Văn P, sinh năm 1980 (có mặt).
- Bà Bùi Thị N, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Đều cư trú: Thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

4. **Người kháng cáo**: Bà Lê Thị K

5. **Kháng nghị**: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày: Bố mẹ bà là cụ Lê Văn P và cụ Nguyễn Thị T sinh được 05 người con là Lê Văn N, Lê Văn B, Lê Văn P (đã chết); Lê Thị B (đã chết) và Lê Thị K. Năm 1991 cụ T chết, năm 1996 cụ P chết. Trước khi hai cụ chết có tạo lập khối tài sản chung là diện tích đất đồi khoảng gần 2 mẫu bắc bộ và đã tuyên bố chia quả đồi Gò Giữa, tại thôn Bình Lạc, xã Tam Sơn (nay là tổ dân phố Bình Lạc, thị trấn Tam Sơn) làm 3 phần cho 3 anh em là N, B và K. Về diện tích cụ thể chia cho ông N và ông B bao nhiêu bà không được biết, riêng đối với bà được hai cụ tuyên bố cho bà khoảng 5 đến 6 sào bắc bộ, thời điểm các cụ cho bà đất là khoảng năm 1982. Bà xác định khi các cụ cho đất chỉ nói bằng miệng để cho các anh của bà được biết, không lập văn bản cụ thể. Sau đó bố mẹ bà cùng các anh đi chỉ và cắm mốc giới cho bà. Bà có thời gian ở trên đất hai cụ cho khoảng 06 năm và có làm nhà tranh, vách đất, đào giếng để ở và sau đó thì chuyển về sinh sống tại quê chồng tại xã Như Thụy cho đến nay. Khi bà chuyển đi bố mẹ bà có trông nom, bảo vệ đất và cây cối cho bà cho đến khi các cụ chết. Bà được biết hiện nay ông N và ông B đã đề nghị và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã xây tường rào theo phần đất được chia. Đối với phần đất bà được bố mẹ chia tại thửa 365, tờ bản đồ số 05 hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thửa đất này hiện vẫn mang tên cụ Lê Văn P. Trên diện tích đất đã cho bà có cây cối do bố mẹ bà trồng và hàng năm bà vẫn lên thu hoạch lâm lộc. Ngày 25/9/2016 bà lên xin chữ ký của ông B, ông N để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông N đồng ý còn ông B không đồng ý và cho rằng bà là con gái nên không có quyền nhận tài sản của bố mẹ. Bà xác định đây không phải là di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp về di sản thừa kế. Thửa đất trên bà đã được bố mẹ cho và đang bị gia đình ông B là anh trai bà chiếm giữ nên bà khởi kiện yêu cầu gia đình ông B phải trả lại cho bà.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị L trình bày: Bà kết hôn với ông Lê Văn B năm 1973. Sau khi kết hôn bà về ở chung cùng gia đình ông B đến năm 1991 mẹ chồng bà là cụ T chết và năm 1996 bố chồng bà là cụ P chết. Hai cụ sinh được 05 người con như bà K trình bày là đúng. Sau khi hai cụ chết không để lại di chúc. Bà xác định khi bố mẹ chồng bà còn sống đã chia và cắm mốc giới đất cho các con trai gồm ông B được chia diện tích 2.820m^2 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B, ông Lê Văn N diện tích 2060m^2 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông N. Ông Lê Xuân P diện tích khoảng 1520m^2, tại phiên tòa sơ thẩm bà L xác định diện tích theo bản đồ 299 là 2060 m^2. Do ông P đã hy

sinh nên hai cụ giao lại phần đất đã chia của ông P cho vợ chồng bà để lo việc thờ cúngliệt sỹ P và không có việc cho bà K đất.

Trên diện tích đất cụ P và cụ T cho vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2820m^2, vợ chồng bà đã tặng cho vợ chồng anh P diện tích 1972m^2, còn lại 848m^2. Diện tích đất cho anh P đã xây tường rào ngăn cách, còn diện tích 848m^2 liền với phần đất của cụ P chia cho ông P.

Đối với diện tích đất cụ P và cụ T chia cho ông P (diện tích đất đang tranh chấp) sau này đã giao lại cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do là năm 1999 khi có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà đã làm kê khai và đề nghị cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã Tam Sơn đo đạc để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cán bộ địa chính nói "Đất đó của ông bà, lúc nào làm chả được, cứ làm chỗ diện tích 2.820m^2 trước còn chỗ kia (sau này là đất đang tranh chấp) để sau này ông bà cho ai thì lúc đó hãy làm đỡ phải làm thủ tục lại cho phức tạp" nên chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa do chưa có nhu cầu nên sau này gia đình cũng chưa kê khai để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vợ chồng bà vẫn đang quản lý từ sau khi ông P hy sinh và kể cả sau này cụ T và cụ P chết và hàng năm vợ chồng bà là người thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất đối với nhà nước. Bà xác định quá trình quản lý, trông nom diện tích đất này chỉ có vợ chồng bà và vợ chồng anh P, chị N trồng các loại cây như cây vải, cây sấu, cây xoài, cây ổi, bạch đàn, tre, chuối ... ngoài ra không kiến tạo, tôn tạo công trình nào trên đất. Các cây cối do cụ P trồng khi cụ còn sống đã bán hoặc sau này có cây do bị sét đánh nên không còn. Việc bà K trình bày có ở trên đất đang tranh chấp khoảng 06 năm là không đúng vì khi đó chồng bà K vi phạm pháp luật nên bị xử phạt tù hoàn cảnh bà K quá khó khăn nên bố mẹ bà có đón bà K và các con lên ở để tiện chăm sóc nhưng ở được 02 tháng thì bà K và các con về Như Thụy. Bà K khai có làm nhà tranh vách đất và giếng nước là không đúng mà do ông Bình Luận (cán bộ sơ tán thời chống Mỹ) làm từ trước để ở nhờ trên đất của cụ P. Sau khi ông Bình Luận chuyển đi thì không còn liên lạc.

Bà xác định không có việc cụ T và cụ P cho bà K đất như bà K đã trình bày và khi hai cụ còn sống có tuyên bố cho vợ chồng bà đất để lo việc thờ cúng tổ tiên và ông P. Thực tế việc thờ cúng tổ tiên và liệt sỹ P do vợ chồng bà vẫn thờ cúng từ trước đến nay. Nay bà K khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả lại diện tích đất 2060m^2 và các cây cối lâm lộc trên đất thì vợ chồng bà không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩavụ liên quan ông Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết trình bày: Bố mẹ ông sinh được các anh em, thời điểm hai cụ chết như bà K trình bày. Khi hai cụ còn sống có tạo lập 01 diện tích đất nhưng diện tích cụ thể bao nhiêu ông không biết. Năm 1972 khi anh em ông

vẫn còn đông đủ các cụ đã chia đất cho các con gồm ông, ông B và bà K (do khi đó ông P đã hy sinh nên không chia cho ông P), khi chia không đo đạc, không lập văn bản mà chỉ mốc giới, không chôn cột mốc mà chỉ dùng các cây, các bụi hoặc mỏm đá trên đất làm mốc giới.

Năm 1999 khi Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đo đạc cụ thể nên mới có diện tích của ông là: 2.060m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn N; của ông B là 2.820m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông B; của bà K là khoảng 1.520m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà K ở xa, không biết được chủ trương của nhà nước nên không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà K kiện đòi tài sản là diện tích đất vợ chồng ông B đang quản lý, quan điểm của ông là bố mẹ cho bà K thì trả cho bà K còn giải quyết như thế nào đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩavụ liên quan anh Lê Văn P trình bày: Anh là con trai của ông Lê Văn B và bà Đào Thị L. Năm 2015 bố mẹ anh cho vợ chồng anh diện tích đất 1.972m^2. Diện tích này được cắt ra từ diện tích 2.820m^2 ông nội anh cho bố mẹ anh và không liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp. Năm 2016 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn P tại thửa đất số 611, tờ bản đồ số 5 tại tổ dân phố Bình Lạc, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô. Nguồn gốc đất bố mẹ anh cho là của ông bà nội cho bố mẹ anh. Riêng đối với diện tích đất đang tranh chấp giữa bà K và bố mẹ anh. Anh không biết bà K trình bày cụ thể như thế nào và bà K lấy căn cứ từ đâu nhưng từ nhỏ anh đã biết đất đó lúc đầu ông bà anh cho chú P nhưng do chú P hy sinh, ông bà ở với bố mẹ anh vì bố anh là con trưởng và có trách nhiệm thờ cúng ông bà và chú P nên ông bà cho bố mẹ anh diện tích đất đó. Trên diện tích đất này chưa kiến thiết, xây dựng công trình gì, bố mẹ và vợ chồng anh có trồng cây vải, cây sấu, cây ổi, cây xoài, bạch đàn, chuối, tre…nên hàng năm bố mẹ anh vẫn thu hoạch các loại hoa quả. Diện tích đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bố mẹ anh chưa cho ai nên chưa làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà K có đơn khởi kiện đòi diện tích đất này, quan điểm của anh không đồng ý trả vì đây là đất cụ P đã cho và là của bố mẹ anh.

Người có quyền lợi nghĩavụ liên quan chị Bùi Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết trình bày: Chị là con dâu của ông Lê Văn B và bà Đào Thị L. Chị thống nhất với lời trình bày của anh P (là chồng chị) về diện tích đất bố mẹ chồng chị cho vợ chồng chị. Riêng đối với diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Lê Thị K và bố mẹ chồng chị, chị là con dâu, chị không biết, mọi vấn đề do bố mẹ và chồng chị giải quyết. Chị xác định vợ chồng chị có góp công sức vào việc trồng cây trên diện tích đất đang tranh chấp cùng bố mẹ chồng. Nay cô K có

đơn khởi kiện đòi diện tích đất này, chị là con dâu nên để bố mẹ và chồng chị quyết định.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án số 04/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Sông Lô đã áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, Điều 27. Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K yêu cầu ông Lê Văn B phải trả lại cho bà thửa đất 365, tở bản đồ số 05, diện tích đất 2060m^2 tại tổ dân phố Bình Lạc, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Bà K phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. (Bà K đã nộp và chi xong).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.580.000 đồng (bằng chữ: hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001917 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Trả lại bà K 2.280.000đồng (bằng chữ: hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 7/9/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô có quyết định kháng nghị, nội dung đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm tố tụng.

Ngày 31/8/2017 bà Lê Thị K có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm tố tụng nhưng cấp sơ thẩm khi xét xử sơ thẩm lại cần xem xét đánh giá chứng cứ khách quan để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà K và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Qua xác minh thực tế xác định cụ Lê Văn P (bố bà K) có hai người vợ. Trong đó cụ P và cụ Lê Thị M có 01 con chung là ông Lê Quốc P (đã chết); cụ P và cụ Nguyễn Thị T có 05 người con là Lê Văn N, Lê Văn B, Lê Văn P (đã chết), Lê Thị B (đã chết) và Lê Thị K.

Nay bà K cho rằng trước khi cụ P và cụ T chết có tạo lập khối tài sản chung là diện tích đất đồi khoảng gần 2 mẫu bắc bộ và đã tuyên bố chia quả đồi Gò Giữa, tại thôn Bình Lạc, xãTam Sơn (nay là tổ dân phố Bình Lạc, thị trấn Tam Sơn) làm 3 phần cho 3 anh em là N, B và K. Về diện tích cụ thể chia cho ông N và ông B bao nhiêu bà không được biết, riêng đối với bà được hai cụ tuyên bố cho bà khoảng 5 đến 6 sào bắc bộ, thời điểm các cụ cho bà đất là khoảng năm 1982. Bà xác định khi các cụ cho đất chỉ nói bằng miệng để cho các anh của bà được biết, không lập văn bản cụ thể. Sau đó bố mẹ bà cùng các anh đi chỉ và cắm mốc giới cho bà. Bà có thời gian ở trên đất hai cụ cho khoảng 06 năm và có làm nhà tranh, vách đất, đào giếng để ở và sau đó thì chuyển về sinh sống tại quê chồng tại xã Như Thụy cho đến nay. Khi bà chuyển đi bố mẹ bà có trông nom, bảo vệ đất và cây cối cho bà cho đến khi các cụ chết. Tuy nhiên đến nay ông B không đồng ý làm thủ tục cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu ông B trả đất cho bà.

Xét kháng nghị thấy rằng quá trình Tòa án giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không xem xét hết yêu cầu khởi kiện, không đưa các con của bà B là Lã Thị H, Lã Thị X tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô có kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là có căn cứ. Tuy nhiên việc sai sót của cấp sơ thẩm đã được khắc phục bằng việc các con của bà B là Lã Thị Thanh X, Lã Bích H và chồng bà B là Lê Xuân T đã có đơn trình bày không liên quan đến tài sản của cụ P và cụ T đồng thời không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Vì vậy nội dung kháng nghị mặc dù là có căn cứ nhưng không cần thiết phải hủy theo nội dung trên.

Nhưng sau khi xét xử sơ thẩm ông Lê Quốc B là con ông Lê Quốc P (cháu cụ P) lại có đơn đề nghị gửi đến Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xác định bố ông là Lê Quốc P (đã chết) là con của cụ P. Đồng thời Tòa án nhân dân tỉnh cũng đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tam Sơn, huyện Sông Lô xác định của P có hai vợ là cụ M và cụ T nhưng con của cụ P và cụ M chưa được xác định trong vụ án. Việc không đưa con của ông Lê Quốc P vào tham gia tố tụng là chưa đầy đủ nhưng đây là tình tiết mới của vụ án vì giai đoạn xét xử sơ thẩm các đương sự không trình bày nên Tòa cấp sơ thẩm không biết.

Để đảm bảo quyền lợi của đương sự cần đưa các con của ông P vào tham gia tố tụng nhưng cấp phúc thẩm không thể khắc phục vì vậy cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên yêu cầu khởi kiện của bà K sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3] Về án phí: Bà K được hoàn trả lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm; Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[4] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa về việc đề nghị hủy án sơ

thẩm là có là có căn cứ cần chấp nhận.Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc đánh giá chứng cứ sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Sông Lô giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Bà K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo Biên lai số 0002024 ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thuý Mai